

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Khoa học giáo dục; Chuyên ngành: Giáo dục học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: PHAN TRUNG KIÊN

2. Ngày tháng năm sinh: 12/ 02/ 1981; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Thôn 8, xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố Thôn Thuận Tồn, xã Đa Tồn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Số 98 Dương Quảng Hàm, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:.....; Điện thoại di động: 098.96.65.168;
E-mail: ptkien@daihocthudo.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 12/2006 đến tháng 11/2009: Chuyên viên phòng Hành chính - Tổng hợp, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.

- Từ tháng 11/2009 đến tháng 3/2014: Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Sư phạm Quốc gia Shuisky (nay là Chi nhánh Shuisky của Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Ivanovo), Liên bang Nga.

- Từ tháng 12/2015 đến tháng 01/2018: Giảng viên khoa Cơ bản, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ tháng 2/2018 đến tháng 09/2019, Giảng viên đại học, Phó trưởng khoa phụ trách khoa Giáo dục nghề nghiệp, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội
- Từ tháng 10/2019 đến tháng 11/2020, Giảng viên đại học, Trưởng khoa khoa Giáo dục nghề nghiệp, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội
- Từ tháng 12/2020 đến tháng 12/2023, Giảng viên chính, Trưởng khoa khoa Giáo dục nghề nghiệp, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội
- Từ tháng 12/2023 đến tháng 10/2024, Giảng viên chính, Giám đốc Trung tâm Chiến lược và Chính sách phát triển, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội
- Từ tháng 10/2024 đến tháng 02/2025, Giảng viên chính, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ tổng hợp, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội
- Từ tháng 02 năm 2025 đến nay: Giảng viên chính, Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên chính; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Số 98 Dương Quảng Hàm, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH chính quy ngày 24 tháng 6 năm 2004, số văn bằng: B0059906; ngành: Tâm lý giáo dục, chuyên ngành: Tâm lý giáo dục; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 21 tháng 4 năm 2009, số hiệu bằng: A0037078; ngành: Giáo dục học, chuyên ngành: Lý luận và lịch sử giáo dục học; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 30 tháng 10 năm 2014, số hiệu bằng: 000397; ngành: Giáo dục học, chuyên ngành: Giáo dục đại cương, lịch sử sư phạm và giáo dục; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Kiến trúc - Xây dựng Quốc gia Nizhny Novgorod, Liên bang Nga.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm, ngành:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS. tại HĐGS ngành, liên ngành: Khoa học giáo dục

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu thứ nhất: Về giáo dục học đại cương, ứng viên tập trung nghiên cứu về giáo dục so sánh và các vấn đề về dạy học

- Hướng nghiên cứu thứ 2: Về quản lý giáo dục, ứng viên tập trung nghiên cứu về quản lý giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số và quản lý dạy học ở cơ sở giáo dục.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 15 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 05 đề tài NCKH cấp cơ sở, 02 đề tài NCKH cấp Bộ và 01 đề tài NCKH cấp Nhà nước (trong đó Chủ trì 03 đề tài cấp cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 54 bài báo khoa học, trong đó 12 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (05 bài báo quốc tế là tác giả chính);

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 05, trong đó 03 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022, 2022 – 2023.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định; Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn nhà giáo về tư cách đạo đức và trình độ, nghiệp vụ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ giảng viên tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội:

Đã được cấp chứng chỉ “Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên cao đẳng, đại học”, tháng 11/2017; Chứng nhận “Hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính hạng II”, tháng 04/2020 và được bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính (hạng II) kể từ ngày 01/12/2020 theo Quyết định số 810/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ngày 18/02/2021; Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, tháng 12/2017;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Có tư cách đạo đức, phẩm chất tốt, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, nhiệt tình, tích cực trong công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn và hỗ trợ sinh viên, học viên sau đại học trong học tập và nghiên cứu khoa học; có sức khỏe và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

*** Nhiệm vụ nhà giáo**

- Nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo: thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của giảng viên, trong thời gian tham gia giảng dạy từ bậc đại học và sau đại học, ứng viên luôn hoàn thành vượt định mức giảng dạy theo quy định, số giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp luôn vượt mức 50% định mức giảng dạy theo quy định. Tích cực tham gia hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh thực hiện nghiên cứu và hoàn thành tốt chương trình đào tạo.

- Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học: Luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, hoàn thành vượt mức định mức nghiên cứu khoa học theo quy định, liên tục đạt khen thưởng hạng mức cao trong công tác nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Tham gia và chủ trì nhiều đề tài nghiên cứu khoa học các cấp đạt kết quả tốt trở lên. Thực hiện tốt các nhiệm vụ khoa học công nghệ, ngoài việc cung cấp những dẫn liệu, thông tin và công bố khoa học, còn hỗ trợ cho việc đào tạo sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh, cũng như nâng cao năng lực nghiên cứu của bản thân để từ đó chọn lọc đưa vào áp dụng trong giảng dạy, đào tạo. Bên cạnh đó, ứng viên luôn tích cực tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế.

- Các nhiệm vụ khác: bên cạnh công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, ứng viên luôn tích cực tham gia vào các công tác khác như: công tác Đảng, Đoàn thể, xây dựng, phát triển, điều chỉnh chương trình đào tạo cũng như những nhiệm vụ liên quan khác do Khoa, Nhà trường phân công.

Trong thời gian công tác và giảng dạy, ứng viên luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy định của nhà trường. Dựa vào Luật giáo dục; Luật giáo dục đại học; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học và Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập, bản thân ứng viên tự đánh giá đạt tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 7 năm 5 tháng (từ tháng 02/ 2018 đến nay)

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020			02		120	45	165/219,9/202,5
2	2020-2021			02		150	60	210/241,6/202,5
3	2021-2022			01		105	180	285/356,8/175

03 năm học cuối								
4	2022-2023			03		90	180	270/332,1/175
5	2023-2024		01	02		30	240	270/355,4/116,7
6	2024-2025			04	02	75	165	240/321,5/140,63

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

- Từ ngày 20/11/2016 đến trước ngày 24/6/2021, theo Quyết định số 1156/QĐ-ĐHTĐHN ngày 20/11/2016 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giáo viên giảng dạy các hệ chính quy tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

- Từ ngày 24/6/2021 đến trước ngày 08/8/2024, theo Quyết định số 599/QĐ-ĐHTĐHN ngày 24/6/2021 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của Giảng viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

- Từ ngày 08/8/2024 đến nay, theo Quyết định số 1332/QĐ-ĐHTĐHN ngày 08/8/2024 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với viên chức, người lao động của các đơn vị thuộc Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Nga

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; tại nước: Liên bang Nga, năm 2014

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Ngọc Thanh		X	X		12/2017 – 8/2018	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	03/8/2018
2	Đinh Xuân Trường		X	X		12/2018 – 7/2019	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	31/7/2019
3	Nguyễn Kim Yển		X	X		12/2018 – 12/2019	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	06/12/2019
4	Nguyễn Thị Lan Phương		X	X		12/2019 – 3/2021	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	17/3/2021
5	Đặng Vũ Hải		X	X		12/2019 – 3/2021	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	17/3/2021
6	Nguyễn Quốc Huy		X	X		8/2020 – 12/2021	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	10/12/2021
7	Lê Thị Mận		X	X		12/2021 – 12/2022	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	05/12/2022
8	Công Thị Hiền Thu		X	X		01/2022 – 11/2022	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	08/11/2022
9	Đinh Thị Thuý Hà		X	X		01/2022 – 02/2023	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	01/02/2023
10	Thích Thanh Phương	X			X	12/2020 – 3/2024	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	06/3/2024
11	Nguyễn Thị Tú Anh		X	X		3/2023 – 11/2024	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	06/11/2024
12	Nguyễn Văn Phúc		X	X		3/2023 – 11/2024	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	06/11/2024
13	Phan Tuấn Anh		X	X		3/2024 – 3/2025	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	03/3/2025
14	Phạm Thị Mai Hoa		X	X		3/2024 – 3/2025	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	03/3/2025
15	Nguyễn Thị Kim Liên		X	X		3/2024 – 3/2025	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	03/3/2025
16	Tạ Thanh Tú		X	X		3/2024 – 3/2025	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	03/3/2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT,	Nhà xuất bản và	Số tác	Chủ biên	Phản biên soạn (từ	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản
----	----------	--------------------	-----------------	--------	----------	--------------------	-------------------------------------

		TK, HD)	năm xuất bản	giả		trang ... đến trang)	xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Сравнительный анализ систем среднего профессионального образования России и Вьетнама (Phân tích so sánh hệ thống giáo dục nghề nghiệp trung cấp của Nga và Việt Nam)	CK	Издатель: Шуйский филиал “ИВГУ”, 2014 (NXB Chi nhánh Shuya, ĐHTHQG Ivanovo) ISBN 978-5-86229-401-9	3	Фан Чунг Киен	8-62, 11-150	Giấy xác nhận số 840/XN-ĐHTĐHN ngày 27/5/2025 của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội
2	Phát triển năng lực giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên ngành sư phạm	TK	NXB Khoa học và Kỹ thuật 2022	9	Trịnh Thuý Giang	7-14, 94-106	Giấy xác nhận số 841/XN-ĐHTĐHN ngày 27/5/2025 của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội
3	Phát triển kỹ năng dạy học cho sinh viên ngành Sư phạm	TK	NXB Khoa học và Kỹ thuật 2023	9		45-58, 83-118	Giấy xác nhận số 841/XN-ĐHTĐHN ngày 27/5/2025 của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội
4	Giáo dục so sánh và Quốc tế	GT	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội 2024	3	Nguyễn Vũ Bích Hiền, Phan Trung Kiên	6-50; 115-196	Giấy xác nhận số 840/XN-ĐHTĐHN ngày 27/5/2025 của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội
5	School-Based Curriculum Management and Lesson Study for Teacher Education	TK	Maruzen Publishing House 2025	4		144-157	Giấy xác nhận số 841/XN-ĐHTĐHN ngày 27/5/2025 của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [1].

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1					
2					
...					
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu đánh giá tác động của các Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo giai đoạn 2005-2015 trên địa bàn Tây Bắc	TV	KHCN-TB.04X/13-18 Đại học Quốc gia Hà Nội	2013 - 2015	23/5/2016 Xếp loại: Xuất sắc
2	Đánh giá tính chuyên nghiệp của học sinh trung cấp nghề trong quá trình thực tập tại công ty Canon Việt Nam	CN	C2018-06 Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	2018 - 2019	04/06/2019 Xếp loại: Xuất sắc
3	Nghiên cứu điều kiện đảm bảo chất lượng để mở chương trình đào tạo cử nhân Kỹ thuật ngành Bảo hộ lao động tại Khoa Giáo dục nghề nghiệp, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	CN	C2020-23 Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	2020 - 2021	09/11/2021 Xếp loại: Tốt
4	Giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục an toàn lao động cho sinh viên trong hoạt động đào tạo nghề tại khoa Giáo dục nghề nghiệp, trường Đại học Thủ đô Hà Nội	TVC	C2021-32 Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	2021 - 2022	21/07/2022 Xếp loại: Tốt
5	Giải pháp nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo Thủ đô giai	TV	C2021-36 Trường Đại học	2021 - 2022	05/09/2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	đoạn 2021 - 2025		Thủ đô Hà Nội		Xếp loại: Xuất sắc
6	Nghiên cứu phát triển năng lực phòng ngừa bệnh trẻ em cho giáo viên Mầm non	TVC	B2021-SPH-05 Bộ Giáo dục và Đào tạo	2020 - 2022	06/03/2024 Xếp loại: Đạt
7	Giáo dục thể chất cho học sinh phổ thông thông qua xã hội hóa đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018	TVC	B2021-SPH-09 Bộ Giáo dục và Đào tạo	2020 - 2022	06/03/2024 Xếp loại: Đạt
8	Xây dựng khung năng lực dạy học kết hợp cho sinh viên ngành Sư phạm trường Đại học Thủ đô Hà Nội đáp ứng bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục	CN	C2024-06 Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	2024 - 2025	05/06/2025 Xếp loại: Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
	Bài báo khoa học công bố trên tạp chí quốc tế							
1	Интегрирование среднего профессионального образования Вьетнама в систему высшего профессионального образования (Tích hợp giáo dục nghề nghiệp trung cấp vào hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam) https://sspu.ru/pdf/pages/journal/arhiv/2/2.6.%202012_v20231102112456.pdf	1	x	Научный поиск, Шуя: ШГПУ, Шуя, Россия ISSN 2224-6436			№.2.6, с. 23-25	4/2012

2	Масштабы развития подготовки кадров среднего профессионального уровня во Вьетнаме в начале XXI века (Quy mô phát triển đào tạo nhân lực trung cấp nghề ở Việt Nam đầu thế kỷ XXI) https://na-journal.ru/arhiv/131-zhurnal-nauchnyj-aspekt-3-2012	1	x	Научный Аспект, ISSN 2226 – 5694, Самара, Россия ISSN 2226-5694			№ 3, с. 56-57	10/2012
3	Информатизация подготовки специалистов в средних профессиональных учебных заведениях Вьетнама (Ứng dụng tin học trong đào tạo nghề nghiệp ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trung cấp tại Việt Nam) https://schoolfut.ru/journal/2012-5/	1	x	Школа будущего ISSN 1996-4552	VAK		№.5, с. 134 - 137	10/2012
4	Зарождение системы профессионального образования в России и Вьетнама: сравнительный анализ (Sự ra đời của hệ thống giáo dục nghề nghiệp ở Nga và Việt Nam: Phân tích so sánh) https://sspu.ru/pdf/pages/journal/arhiv/4_2012_v20231102112456.pdf	1	x	Научный поиск, Шуя: ШГПУ, Шуя, Россия ISSN 2224-6436			№.4.1, с. 65-68	11/2012
5	Сравнительный анализ процесса зарождения среднего профессионального образования в России и Вьетнаме (Vấn đề phát triển giáo dục nghề nghiệp trung cấp ở Nga và Việt Nam: khía cạnh so sánh) http://sisp.nkras.ru/e-ru/issues/2012/11/fan.pdf	1	x	Россия, Электронный научный журнал “Современные исследования социальных проблем” – г. Красноярск	VAK		№11 (19)	2012

6	Проблемы развития среднего профессионального образования в России и Вьетнаме: сравнительный аспект (Vấn đề phát triển giáo dục nghề nghiệp trung cấp ở Nga và Việt Nam: khía cạnh so sánh) http://vestnik.chuvgpu.ru/upload/docs/2013/1(77)_2013_2.pdf	1	x	Вестник Чувашского государственного педагогического университета им. И. Я. Яковлева ISSN 1680-1709	VAK		№.1 (77) Ч.2, с. 180 – 184	3/2013
7	Определение критериев сравнительно - сопоставительного анализа разнородных систем профессионального образования (Xác định các tiêu chí phân tích so sánh các hệ thống giáo dục nghề nghiệp không đồng nhất) https://sspu.ru/pdf/pages/journal/arhiv/2013/np_2013_2.4_v20231102112456.pdf	1	x	Научный поиск, Шуя: Шуйский филиал ИвГУ, Россия ISSN 2224-6436			№. 2.4, с. 43-45	6/2013
	Báo cáo trong Kỷ yếu hội thảo quốc gia, quốc tế							
8	Методологические подходы к анализу профессионального образования Вьетнама (Các phương pháp tiếp cận để phân tích giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam)	1	x	Трибуна учебного: актуальные проблемы современного образования – Материалы I заочной научной объединенной сессии молодых ученых, аспирантов, студентов Шадринск – Шуя: ШГПИ ISBN 987-5-			с.135-136	01/2011

				87818-442-7				
9	Особенности среднего профессионального образования во Вьетнаме (Đặc điểm của giáo dục trung cấp nghề ở Việt Nam)	1	x	«Шуйская сессия студентов, аспирантов и молодых ученых». Труды IV международной научной конференции. – Москва – Шуя: ШГПУ ISBN 978-5-86229-232-9 ISBN 978-5-86229-234-3			Том 2, с. 200-213	5/2011
10	Стандарты оценки качества образования среднего профессионального училища во Вьетнаме в настоящее время (стандарты для преподавателей, учащихся и учебных программ) (Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trung cấp nghề ở Việt Nam hiện nay (tiêu chuẩn về giáo viên, học sinh và chương trình giảng dạy))	1	x	«Актуальные научные вопросы: реальность и перспективы» . Материалы международной заочной научно-практической конференции 26 декабря 2011 г. – Тамбов, Россия ISBN 978-5-4343-0111-4			Часть 1, с. 155 – 157	12/2011
11	Подготовка кадров среднего уровня в условиях интеграции профессионального образования в Вьетнаме (Đào tạo nhân lực trình độ trung cấp trong bối cảnh hội nhập giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam)	1	x	“Наука и образование в XXI веке” – Материалы международной заочной научно-практической конференции – Тамбов, Россия			Часть 1, с. 132-136	5/2012

				ISBN 978-5-4343-0174-9				
12	Подготовка кадров среднего профессионального уровня во Вьетнаме (Đào tạo nguồn nhân lực trình độ trung cấp nghề tại Việt Nam)	1	x	Проблема теории и практики подготовки современного специалиста Межвузовский сборник научных трудов с международным участием Под ред. Д.п.н, проф. М.А. Викулиной. – Вып.15 ISBN 978-5-85839-199-9 Россия,.Н. Новгород: НГЛУ			146-150	7/2012
13	Методологические подходы к выбору критериев сравнительно - сопоставительного анализа среднего профессионального образования России и Вьетнама (Các phương pháp luận để lựa chọn tiêu chí phân tích so sánh giáo dục nghề nghiệp trung học ở Nga và Việt Nam)	1	x	“Вопросы образования и науки в XXI веке”. Материалы международной заочной научно-практической конференции – Тамбов, Россия ISBN 978-5-4343-0309-5			Часть 1, с. 151-153	4/2013
14	Сравнительный очерк истории развития среднего профессионального образования России и Вьетнама с периода	1	x	“Вопросы образования и науки в XXI веке”.			Часть 1, с. 153-155	4/2013

	зарождения по конец XX века (So sánh về lịch sử phát triển giáo dục trung cấp nghề ở Nga và Việt Nam từ khi thành lập đến cuối thế kỷ 20)			Материалы международной заочной научно-практической конференции – Тамбов, Россия ISBN 978-5-4343-0309-5				
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
	Bài báo khoa học công bố trên tạp chí quốc tế							
15	The process of forming students' pedagogical professionalism: A Case Study at Hanoi National University of Education in Vietnam https://lingcure.org/index.php/journal/article/view/1531/427 https://doi.org/10.21744/lingcure.v5nS3.1531	6		Linguistics and Culture Review, ISSN 2690-103X			Vol.5, No.3, p.704-712	11/2021
16	Developing competence to prevent children's diseases for preschool teachers in Vietnam https://sciencescholar.us/journal/index.php/ijhs/article/view/5289/1239 https://doi.org/10.53730/ijhs.v6nS1.5289	5	x	International Journal of Health Sciences ISSN 2550-6978 (print), 2550-696X (online)			Vol.6, No.S1, 2352–2367	3/2022
17	Vietnam's Higher Education in the Era of Industrial Revolution 4.0: Opportunities, Challenges and Innovation https://saudijournals.com/articles/6930/ DOI : 10.36348/jaspe.2022.v05i07.006	2		Journal of Advances in Sports and Physical Education, ISSN 2616-8642 (Print) ISSN 2617-3905 (Online), Scholars Middle East Publishers,			Vol.5, No.7, p.158-165	7/2022

				Dubai, United Arab Emirates				
18	Жизнестойкость и психологическая безопасность педагога в образовательной среде (Khả năng phục hồi và an toàn tâm lý của giáo viên trong môi trường giáo dục) https://www.edscience.ru/jour/article/view/2930/1117 https://doi.org/10.17853/1994-5639-2022-9-143-173	4		Образование и наука / The Education and Science Journal ISSN 1994-5639 (Print), 2310-5828 (Online) https://www.scopus.com/sourceid/21100900514	Scopus H-index=16 CiteScore 2024=2.2 CiteScore Tracker=1.5 Q3		Том 24, № 9, с.143-173	11/2022
19	The current state of high school physical education: Exploring socialization and Aligning with the 2018 high school education program https://cosmoscholars.com/phms/index.php/ijmst/article/view/1458/853 https://doi.org/10.15379/ijmst.v10i2.1458	6		International Journal of Membrane Science and Technology, ISSN 2410-1869 https://www.scopus.com/sourceid/21101023717	Scopus CiteScore 2022=0.6 Q4		Vol.10, No.2, p.1280-1286	6/2023
20	Enhancing competence in preventing childhood diseases for preschool teachers in Vietnam https://cosmoscholars.com/phms/index.php/ijmst/article/view/1426/855 https://doi.org/10.15379/ijmst.v10i2.1426	6		International Journal of Membrane Science and Technology ISSN 2410-1869 https://www.scopus.com/sourceid/21101023717	Scopus CiteScore 2022=0.6 Q4		Vol.10, No.2, p.1263-1272	6/2023
21	Влияние учебно-профессиональной жизнестойкости на субъективное благополучие студентов социономического профиля: роль стилей совладания (Tác động của khả năng phục	4		Образование и наука / The Education and Science Journal ISSN 1994-5639 (Print), 2310-5828	Scopus H-index=16 CiteScore 2024=2.2 CiteScore Tracker=1.5		Том 25, № 9, с.118-155	11/2023

	hồi học tập và nghề nghiệp lên cảm nhận hạnh phúc của sinh viên xã hội học: Vai trò của phong cách ứng phó) https://www.edscience.ru/jour/article/view/3373/1187 https://doi.org/10.17853/1994-5639-2023-9-118-155			(Online) https://www.scopus.com/sourceid/21100900514	Q3			
22	Adaptation Solutions for Digital Transformation in School Management Models for Educational Administrators in Vietnamese General Education Institutions https://bpasjournals.com/library-science/index.php/journal/article/view/2993/2805 https://doi.org/10.48165/bapas.2024.44.2.1	6	x	Library Progress International eISSN 2320-317X pISSN 0970-1052			Vol.44 No. 3, p.2359-23605	7/2024
23	The study on equal rights in accessing general education in several developed countries and lessons for vietnam/ O estudo sobre a igualdade de direitos no acesso à Educação geral em vários países desenvolvidos e lições Para o vietname https://revista.unicuritiba.edu.br/index.php/RIMA/article/view/7695/371375320 http://dx.doi.org/10.21902/Revrima.v3i45.7695	4		Revista relações internacionais do Mundo Atual e-ISSN 2316-2880 https://www.scopus.com/sourceid/21101036615	Scopus H-index=7 CiteScore 2024=0.9 CiteScore Tracker=1.0 Q2		Vol. 3, n.45, p.771-785	7/2024
24	Developing an innovative management model to enhance teaching and research effectiveness in Vietnamese educational institutions https://learning-gate.com/index.php/2576-8484/article/view/5531/1998 DOI:	4	x	Edelweiss Applied Science and Technology ISSN 2576-8484 Publisher: Learning Gate https://www.scopus.com/sourceid/21101036615	Scopus H-index =5 CiteScore =0.2 Q3		Vol.9, No.3, p.1366-1378	3/2025

	10.55214/25768484.v9i3.5531			opus.com/sources/view/21101018315				
25	Digital transformation in Vietnam's education: Opportunities, challenges, and development strategies https://malque.pub/ojs/index.php/mr/article/view/7133/3532 https://doi.org/10.31893/multirev.2025282	5	x	<i>Multidisciplinary Reviews</i> ISSN 2595-3982 https://www.scopus.com/sources/view/21101163455	Scopus H-index =6 CiteCore 2024=0.5 CiteScore Tracker =0.6 Q4		Vol. 8, No. 9	3/2025
26	The impact of psychological education on the motivation for participating in physical activities among pedagogical students in Vietnam https://revistas.um.es/sportk/article/view/655811/379441 https://doi.org/10.6018/sportk.655811	3		SPORT TK-Revista EuroAmericana de Ciencias del Deporte ISSN: 2254-4070 E-ISSN: 2340-8812 https://www.scopus.com/sources/view/21101023086	WoS: IF 0.5 Scopus H-index =10 CiteScore =1.1 Q3		Vol.14 . Art. 23	3/2025
27	Impact of learning strategies on psychological well-being, academic performance, and physical education outcomes among university students: A case study at Hanoi Metropolitan University, Vietnam https://revistas.um.es/sportk/article/view/662221/381981 https://doi.org/10.6018/sportk.662221	3	x	SPORT TK-Revista EuroAmericana de Ciencias del Deporte ISSN: 2254-4070 E-ISSN: 2340-8812 https://www.scopus.com/sources/view/21101023086	WoS: IF 0.5 Scopus H-index =10 CiteScore =1.1 Q3		Vol. 14. Art. 46	5/2025
28	Enhancing The Capacity To Design Environmentally	4		International Journal of	Scopus H-		Vol. 11,	5/2025

	Friendly Teaching Materials For Students In The Faculty Of Arts At Universities In Vietnam. https://theaspd.com/index.php/ijes/article/view/675			Environmental Sciences ISSN 2229-7359 https://www.scopus.com/sourceid/21101096350	index=2 CiteScore =1.4 Q4		No. 4s, p.1122-1131	
29	Определение системы научно-исследовательских компетенций студентов педагогических вузов во Вьетнаме (Xác định hệ thống năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên các trường đại học sư phạm ở Việt Nam) https://sspu.ru/pdf/pages/journal/doi/articles/2025-2/6_v20250520093819.pdf https://doi.org/10.54348/SciS.2025.2.6	4	x	Научный поиск: личность, образование, культура, Ивановский государственный университет ISSN 2713-0959	VAK		№2 (56), с.32-39	6/2025
30	Application of Technology-Integrated Learning Models in Training Professionalism for Education Students https://ijcesen.com/index.php/ijcesen/article/view/2743 https://doi.org/10.22399/ijcesen.2743	3	x	International Journal of Computational and Experimental Science and Engineering ISSN 2149-9144 https://www.scopus.com/sourceid/21101210635	Scopus H-index =15 CiteScore =3.3 Q3		Vol. 11, No 3, pp. 4246-4252	6/2025
31	Blended learning competencies of preservice teachers at Hanoi Metropolitan University: A step toward sustainable educational ecosystems in the digital era https://ijeess.net/images/pdf/PhanTrungKien1TranThiHaGiang1MaiQuocKhanh2TranTrungTin	4	x	International Journal of Ecosystems and Ecology Science (IJEES) ISSN 2224-4980	Scopus H-index =5 CiteScore 2024=0.3 CiteScore Tracker=0		Vol. 15 (3), p.19-24	2025

	h3BLENDEDLEARNINGCO MPETENCIESOFPRESERVIC ETEACHERSATHANOIMET ROPOLITANUNIVERSITY:A STEPTOWARDSUSTAINABL EEDUCATIONALECOSYSSTE MSINTHEDIGITALERApage1 9-24;-ec859aebd1.pdf https://doi.org/10.31407/ijeec15303			https://www.scopus.com/sourceid/21101251263	.4 Q4			
	Bài báo công bố trên tạp chí quốc gia							
32	Xu hướng và triển vọng phát triển giáo dục chuyên nghiệp của Liên bang Nga trong thời kỳ hội nhập và toàn cầu hóa	1	x	Tạp chí giáo dục ISSN 2354-0753			Số 356 kỳ 2, tr.64-65	4/2015
33	Ảnh hưởng của các biến động lực trong học tập đối với người học khi sử dụng thiết bị di động	2		Tạp chí Giáo dục nghề nghiệp ISSN 2354-0583			Số 94, tr.20-25	7/2021
34	Rèn luyện kỹ năng quản lý thời gian cho sinh viên năm thứ nhất các trường sư phạm	6		Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội ISSN 2354-1075			Số 66, quyển 1, tr.23-36	2021
35	Đào tạo nhân lực ngành bảo hộ lao động tại trường Đại học thủ đô Hà Nội - một yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay	2	x	Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội ISSN 2354-1512			Số 54, tr.110-120	9/2021
36	Giải pháp nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo thủ đô giai đoạn 2021 - 2025	6		Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội ISSN 2354-1512			Số 58, tr.91-101	3/2022
37	Đánh giá vai trò của giáo dục đại học trong quá trình thực	3	x	Tạp chí Giáo			Số 23 (số đặc	9/2023

	hiện các mục tiêu phát triển bền vững			dục ISSN 2354-0753			biệt 3), tr.94-100	
38	So sánh Luật Giáo dục đại học 2012 và Luật Giáo dục đại học sửa đổi 2018: Khác biệt cơ bản, quản trị đại học, tự chủ đại học và đề xuất giải pháp	4	x	Tạp chí Giáo dục ISSN 2354-0753			Tập 24, số 18, tr.12-17	9/2024
39	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học và nghiên cứu khoa học tại các trường đại học	3	x	Tạp chí Giáo dục ISSN 2354-0753			Tập 24, số 24, tr.14-19	12/2024
40	Giao lưu văn hoá và giáo dục qua hoạt động giảng dạy ngôn ngữ và công nghệ: Nghiên cứu tại trường Trung học cơ sở Thăng Long, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	3	x	Tạp chí Quản lý giáo dục ISSN 1859-2910			Tập 16, số 11, tr.94-101	11/2024
41	Quản lý bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên tiểu học quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội trong bối cảnh hiện nay	2	x	Tạp chí Quản lý giáo dục ISSN 1859-2910			Tập 17, số 1, tr.23-43	01/2025
42	Tổng quan về năng lực dạy học kết hợp của sinh viên sư phạm đáp ứng bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục	7	x	Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam ISSN 2615-8957			Tập 21, số 04, tr.9-16	4/2025
43	Quản lý hoạt động dạy học môn Tin học ở các trường Trung học cơ sở quận Ba Đình, thành phố Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục: Thực trạng và giải pháp	2	x	Tạp chí Giáo dục ISSN 2354-0753			Tập 25, Số đặc biệt 4, tr.290-296	5/2025
44	Năng lực sử dụng học liệu trên hệ thống quản lý dữ liệu học tập của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2		Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội ISSN 2354-1075			Vol. 70, Issue 3, tr.39-50	5/2025

45	The challenges and opportunities in linking theory and practice in teacher education	1	x	Journal of Education Management ISSN 1859-2910			Vol. 17, No.5A , p.188-192	5/2025
46	Giáo dục ý thức hoạt động tình nguyện vì cộng đồng cho thanh niên phật tử theo tiếp cận phối hợp	3	x	Tạp chí Giáo dục ISSN 2354-0753			Tập 25, Số đặc biệt 5, tr.401-406	6/2025
	Báo cáo đăng Kỷ yếu hội thảo quốc gia, quốc tế							
47	Сравнительный анализ систем среднего профессионального образования России и Вьетнама (Phân tích so sánh hệ thống giáo dục nghề nghiệp trung cấp của Nga và Việt Nam (Sơ lược))	3		“Психологическая наука и практика – проблемы и перспективы” Материалы IV Международной научно-практической конференции. “ННГАСУ” ISBN 978-5-258-00008-4			c.82-88	4/2014
48	Модель профессиональной компетентности современного педагога (Mô hình năng lực nghề nghiệp của giáo viên hiện đại)	3		“Шуйская сессия студентов, аспирантов и молодых ученых”. Материалы X международной научной конференции Издатель: Шуйский филиал “ИвГУ” 2017 ISBN:978-5-86229-413-2			c.19-22	6/2017

49	Giáo dục tính chuyên nghiệp cho sinh viên góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học	6		Kỷ yếu Hội thảo quốc gia “Xây dựng nền giáo dục thực chất – Định hướng và giải pháp” ISBN 978-604-342-191-0			tr.225-237	9/2021
50	Tự chủ đại học và một số khuyến nghị thực hiện tự chủ của trường Đại học Thủ đô Hà Nội hiện nay	2		Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia “Tự chủ đại học và xây dựng mô hình đại học thông minh - Từ lý luận đến thực tiễn” của Trường ĐHTĐHN và ĐH Thủ Dầu Một ISBN 978-604-369-628-8			tr.371-378	5/2022
51	Practice-oriented training in social sciences PhD program: Russian experience	5		International Conference “Quality assurance for application-oriented postgraduate education - International experience and practice in Vietnam”, Hanoi Metropolitan University ISBN 978-604-364-687-0			p.48-61	9/2023
52	Quality assurance for application-oriented postgraduate training programs in universities of Vietnam	3		International Conference “Quality assurance for			p.181-198	9/2023

				application-oriented postgraduate education - International experience and practice in Vietnam”, Hanoi Metropolitan University ISBN 978-604-364-687-0				
53	Tổ chức giáo dục tính chuyên nghiệp sư phạm cho sinh viên đại học sư phạm đáp ứng yêu cầu đào tạo giáo viên trong bối cảnh hiện nay	9		Kỷ yếu Hội Thảo Quốc tế “Tâm lý học, giáo dục học trong bối cảnh biến đổi xã hội”, Hội TLH Châu Á, Hội TLH Việt Nam, Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội ISBN 978-604-88-7128-4			Tập 2, tr.361-368	8/2023
54	Sứ mệnh giáo dục từ góc nhìn liên văn hoá: Quan niệm của các tiền nhân và việc thực hiện sứ mệnh giáo dục Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	3		Hội thảo Quốc tế Văn hoá và Giáo dục lần thứ 5 – ICCE 2024: Giáo dục liên văn hoá trong bối cảnh hội nhập ISBN 978-604-44-3471-1			tr.425-434	12/2024

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: **05 BBQTUT, stt [24], [25], [27], [30], [31]**.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:.....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Tham gia xây dựng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục, mã số 8140114	Tham gia	Quyết định số 1335/QĐ-ĐHTĐHN ngày 09/8/2024	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	Quyết định số 608/QĐ-ĐHTĐHN ngày 11/4/2025	
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy:

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH; ☐ 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế
cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho
việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân
sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được
bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp
luật.

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phan Trung Kiên